

Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ

K....., ngày 08 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thu Tr; địa chỉ: Số 71 Tr, quận L, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Anh Vũ Hữu C; địa chỉ: Số 213 Đ, tổ Đ1, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP B; địa chỉ trụ sở: Số 16 Ph, phường Ph, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ Chi nhánh Hải Phòng: Khu đô thị mới sân bay C, đường L, phường Đ, quận Ng, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP B: Bà Trần Thị Thúy H; chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân và ông Trần Minh Ph - cán bộ ngân hàng - là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 4391/2018/UQ-BVB ngày 26-10-2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP B và số 49/2019/UQ/BVB-HP ngày 22-3-2019 của Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng;

+ Ông Vũ Hữu D và bà Nguyễn Thị H; cùng cư trú: Tổ Đ1, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Ông Vũ Hữu D - là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18-4-2019 của bà Nguyễn Thị H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28-6-2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C thuận tình ly hôn.

2.2. Về việc nuôi con chung: Chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C thoả thuận giao con chung tên là Vũ Cao H, sinh ngày 05-9-2010 cho chị Phạm Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về công nợ:

2.4.1. Về số tiền nợ:

Tính đến ngày 28-6-2019, Hộ kinh doanh chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C còn nợ và có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0230/2016/HĐTD2/BVB021 ngày 03-08-2016 và các Khế ước nhận nợ kèm theo số 0230.01/2016/KUNN2/BVB-021 ngày 10-10-2016; 0230.02/2016/KUNN2/BVB-021 ngày 12-10-2016; 0230/2016/KUNN2/BVB-021 ngày 16-11-2016; 0230.05/2016/KUNN2/BVB-021 ngày 06-12-2016 là:

- Nợ gốc: 1.652.918.942 đồng.

- Nợ lãi: 548.570.759 đồng.

Tổng cộng: 2.201.489.701 đồng (Hai tỷ hai trăm linh một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm linh một đồng).

2.4.2. Các bên thoả thuận phân chia trách nhiệm thanh toán số tiền nợ nêu trên như sau:

- Hộ kinh doanh chị Phạm Thu Tr trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền là:

Nợ gốc : 1.152.918.942 đồng.

Nợ lãi : 382.630.753 đồng.

Tổng cộng: 1.535.549.695 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Hộ kinh doanh chị Phạm Thu Tr thực hiện việc trả số tiền nợ vào ngày 25 hàng tháng, từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 11 năm 2019 mỗi tháng trả 150.000.000 đồng nợ gốc; ngày 25-12-2019 trả 402.918.942 đồng nợ gốc và nợ lãi là 382.630.752 đồng cộng với lãi phát sinh kể từ ngày 28-6-2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Anh Vũ Hữu C trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền là:

Nợ gốc: 500.000.000 đồng;

Nợ lãi: 165.940.006 đồng ;

Tổng cộng: 665.940.006 đồng (Sáu trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn sáu đồng).

Anh Vũ Hữu C thực hiện việc thanh toán chậm nhất đến ngày 25-9-2019 trả 250.000.000 đồng nợ gốc; ngày 25-12-2019 trả 250.000.000 đồng nợ gốc và 165.940.006 đồng cộng với lãi phát sinh kể từ ngày 28-6-2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Hộ kinh doanh chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi kể từ ngày ngày 28-6-2019 đối với khoản nợ gốc tương ứng với số tiền nợ gốc mỗi bên phải trả trong trường hợp chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4.3. Trong trường hợp Hộ kinh doanh chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay nêu trên, thì Ngân hàng TMCP B được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý phát mại các tài sản thế chấp để bảo đảm việc thi hành án, cụ thể bao gồm các tài sản sau:

Nhà đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số: 14 (-7-a)-3-(7), tổ 2 khu dân cư số 1, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, nay là số 213 đường Đ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 283372 do UBND quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15-12-2004 cho ông Vũ Hữu D và bà Nguyễn Thị H) và nhà đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số: ĐH-14(306591-7-a), Tổ dân phố Đ1, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, nay là số nhà 193 đường Đ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 166387 do UBND quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31-12-2010 cho bà Nguyễn Thị H) -Theo hợp đồng thế chấp ngày 28/04/2014 công chứng số 1721/HĐTC/2014 ngày 28/04/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp công chứng số 4766/PLHĐ/2016 ngày 03/08/2016, đăng ký gia dịch bảo đảm ngày 29-4-2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận K, thành phố Hải Phòng.

2.5. Về án phí:

2.5.1. Án phí ly hôn sơ thẩm :

Chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí, cộng là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thu Tr nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thu Tr đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10386 ngày 03-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng; chị Phạm Thu Trang được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng;

2.5.2. Án phí dân sự sơ thẩm hoà giải: Chị Phạm Thu Tr và anh Vũ Hữu C mỗi người nhận nộp số tiền án phí tương ứng với số tiền phải thanh toán trả nợ, cụ thể:

- Chị Phạm Thu Tr nộp án phí là: 29.033.245 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng);

- Anh Vũ Hữu C nộp án phí là: 15.318.800 đồng (Mười lăm triệu ba trăm mười tám nghìn tám trăm đồng);

- Ngân hàng TMCP B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.383.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 7562 ngày 03-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THA dân sự quận K;
- UBND phường Tr, quận L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân Thúy